

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/DS-ST  
Ngày 14-12-2021  
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp  
hụi”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ–TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Vân.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Kiến Hoà–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:***  
Bà Bùi Thị Mai Ly– Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2022/TLST– DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123A/2022/QĐST–DS ngày 07/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thanh T, sinh năm 1968; Địa chỉ: ấp AK, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Đặng Quỳnh N, sinh năm 1996; Địa chỉ: 78/6 ấp An Ninh, xã An Thuận, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp AHB, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị N và ông H có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Đặng Huỳnh N trình bày:***

Từ năm 2017 đến năm 2019 bà T làm chủ hụi, ông H có tham gia 07 phần hụi, cụ thể:

- Ngày 10/12/2017 hụi 2.000.000 đồng, có 24 phần, ông H kêu hót hụi bà T giao cho ông H 50.600.000 đồng.

- Ngày 15/11/2018 hụi 4.000.000 đồng, có 21 phần, ông H kêu hốt hụi, bà T giao cho ông H số tiền là 48.800.000 đồng.

- Ngày 05/3/2019 hụi 5.000.000 đồng, có 20 phần, ông H kêu hốt hụi bà T giao cho ông H số tiền là 58.500.000 đồng.

- Ngày 05/3/2019 hụi 5.000.000 đồng, có 18 phần, ông H kêu hốt hụi, bà T giao cho ông H 52.200.000 đồng.

- Ngày 05/3/2019 hụi 5.000.000 đồng, có 20 phần, ông H kêu hốt hụi, bà T giao cho ông H 72.700.000 đồng;

- Ngày 05/12/2019 hụi 4.000.000 đồng, có 22 phần, ông H kêu hốt hụi, bà T giao cho ông H 48.600.000 đồng.

- Ngày 10/11/2019 hụi 2.000.000 đồng, có 21 phần, bà T giao cho ông H 22.850.000 đồng.

Do việc chơi hụi diễn ra quá lâu nên bà T không nhớ ngày khai hụi, ngày mãng hụi, ông H kêu hốt hụi thời gian nào, ông H tham gia bao nhiêu phần hụi, chỉ nhớ là ông H có tham gia 07 dây hụi, có kêu hốt hụi. Sau khi bà T giao hụi cho ông H thì ông H không góp hụi cho bà T. Hiện nay các phần hụi nêu trên đã mãng Nng ông H vẫn chưa góp hụi đủ cho bà T. Tổng cộng ông H còn nợ tiền hụi bà T là 354.250.000 đồng.

Nếu ông H thừa nhận còn nợ bà T 150.000.000 đồng thì bà T đồng ý. Bà T tự nguyện rút một phần yêu cầu là 204.250.000 đồng đối với ông H. Trong vụ án này bà T không yêu cầu gì đối với vợ ông H là bà Phùng Thị N, bà T chỉ yêu cầu một mình ông H trả cho bà T số tiền là 150.000.000 đồng, trả một lần, bà T không yêu cầu trả lãi.

Đối với chi phí giám định, bà T tự nguyện nộp toàn bộ. Bà T yêu cầu Toà án tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo cho việc thi hành án.

***Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà bị đơn ông Phan Văn H trình bày:***

Ông có tham gia 02 phần hụi do chị T làm chủ hụi, 02 phần hụi này ông đã hốt hết Nng chưa góp hụi đầy đủ cho chị T. Ông không nhớ, hụi khai lúc nào, mãng lúc nào, mỗi phần hụi bao nhiêu tiền, hiện ông còn nợ lại bao nhiêu ông cũng không nhớ. Ông chỉ nhớ là có nợ chị T 02 phần hụi khoảng 150.000.000 đồng. Khi chơi hụi, bà T có giao cho ông giấy hụi Nng giờ ông không còn lưu giữ. Mục đích ông chơi hụi là để làm ăn. Ông có ký tên một lần vào giấy hụi của bà T Nng giờ ông không biết lúc đó ký tên là nợ bao nhiêu tiền. Ông không thừa nhận các giấy hụi ngày 05/12/2019, 05/3/2019, 10/12/2007, 15/11/2018 do ông không có tham gia các dây hụi này, chữ ký “H” tại các giấy hụi này không phải do ông viết. Từ trước đến nay ông không có ký nhận nhận hụi với chị T, ông chỉ ký cho bà T một biên nhận vào sổ theo dõi của chị T Nng ông không nhớ là nợ bao nhiêu, biên nhận chỉ lập 01 bản, ông không có giữ, bà T là người giữ.

Ông không có ý kiến gì về kết quả giám định số 415/2022/KL-KTHS ngày 08/9/2022 của Công an tỉnh Bến Tre. Ông không có yêu cầu vợ là Phùng

Thị N phải có nghĩa vụ liên đới với anh để trợ cho bà T. Việc này là do ông tự nguyện, chỉ một mình ông trả là được. Nếu bà T rút tự nguyện rút một phần yêu cầu là 204.250.000 đồng đối với ông thì ông đồng ý. Hiện nay kinh tế gia đình ông đang gặp khó khăn, vợ chồng ông phải đi làm thuê nên ông không có khả năng trả một lần theo yêu cầu của bà T. Ông đồng ý trả 150.000.000 đồng cho bà T theo thời hạn và cách thức N sau: Ông sẽ trả ngay cho bà T 40.000.000 đồng, số còn lại 110.000.000 đồng ông sẽ trả mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền 110.000.000 đồng. Việc bà T yêu cầu tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì ông không có ý kiến gì, ông đề nghị giải quyết theo quy định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 217 BLTTDS, Điều 471 BLDS; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường. Chấp nhận yêu cầu của bà T buộc ông H thanh toán cho bà T 150.000.000 đồng và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với 204.250.000 đồng. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất ông H đang đứng tên sử dụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Phan Văn H hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 33/1 ấp An Hoà B, thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của bà T về việc rút yêu cầu khởi kiện số tiền 204.250.000 đồng đối với ông H. Xét thấy: việc rút yêu cầu khởi kiện này của bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[4] Theo bà T: Từ năm 2017 đến năm 2019 bà T làm chủ hội, ông H có tham gia 07 phần hội tại 07 dây hội khác nhau. Sau khi hốt hội xong chị ông H không góp hội cho bà T, tính đến nay các dây hội này đã mang Nng ông H vẫn

không trả đủ tiền hui cho bà T. Hiện ông H còn nợ tiền hui của bà T là 150.000.000 đồng.

[5] Theo ông H: Ông không nhớ, hui khi nào, mãng lúc nào, mỗi phần hui bao nhiêu tiền, hiện ông còn nợ lại bao nhiêu ông cũng không nhớ. Ông chỉ nhớ là có nợ chị T 02 phần hui khoảng 150.000.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu của bà T:

Hợp đồng góp hui giữa được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Ông H thừa nhận hiện nay còn nợ bà T số tiền là 150.000.000 đồng. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, do ông H đã vi phạm nghĩa vụ đối với bà T trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà T. Hiện ông H không chứng minh được kinh tế gia đình ông đang gặp khó khăn, bà T không chấp nhận yêu cầu trả nợ dần của ông H nên việc bà T yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 150.000.000 đồng, trả một lần là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Do bà T và ông H không yêu cầu vợ ông H là bà Phùng Thị N phải liên đới với ông H trả cho bà T số tiền 150.000.000 đồng nên không xem xét giải quyết.

[8] Về chi phí tố tụng: Bà T tự nguyện nộp là 600.000 đồng và đã nộp xong.

[9] Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2022/QĐ-BPKCTT ngày 22/4/2022 để đảm bảo cho việc thi hành án.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Ông Phan Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thanh T. Buộc ông Phan Văn H có nghĩa vụ giao trả cho bà T số tiền là 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Do bà T và ông H không yêu cầu vợ ông H là bà Phùng Thị N phải liên đới với ông H trả cho bà T số tiền 150.000.000 đồng nên không xem xét giải quyết.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2022/QĐ-BPKCTT ngày 22/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Thanh Phú để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Về chi phí tố tụng: Bà T tự nguyện nộp là 600.000 đồng và đã nộp xong.

5. Bà Võ Thanh T được Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh Phòng Giao dịch Duy Minh- Chi nhánh Bến Tre hoàn trả số tiền là 34.500.000 đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thanh T được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.856.000 đồng theo biên lai thu số 0007301 ngày 09/5/2022

- Ông Phan Văn H phải nộp là 7.500.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Sơn– Phan Thị Cẩm Hồng**

**Trần Thị Vân**



